

CƠ HỘI LỒNG GHÉP

KINH TẾ TUẦN HOÀN

VÀO QUY HOẠCH TỈNH TẠI VIỆT NAM



Mọi hành vi sao chép, phân phối lại và dịch lại tài liệu đều bị cấm. Bản quyền và quyền xuất bản ấn phẩm này thuộc về Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tuần hoàn và Hanns Seidel Foundation.

Tác giả:

Richard McClellan, Chuyên gia cộng tác cao cấp, ICED

THS. Lê Bá Nhật Minh, Chuyên gia, ICED

TS. Nguyễn Minh Tú, Chuyên gia cấp cao, ICED

PGS. TS. Nguyễn Hồng Quân, Viện trưởng, ICED

Báo cáo này được trích dẫn như sau: Richard McClellan, Lê Bá Nhật Minh, Nguyễn Minh Tú, Nguyễn Hồng Quân., 2022. “Cơ hội lồng ghép kinh tế tuần hoàn vào quy hoạch tỉnh tại Việt Nam”. Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Tuần hoàn, Đại học Quốc gia Tp. HCM; Hanns Seidel Foundation.

VỀ TỔ CHỨC HANNS SEIDEL FOUNDATION

Hanns Seidel Foundation (HSF) là một tổ chức chính trị của Cộng hòa Liên bang Đức và được thành lập tại Munich năm 1967. Hiện nay, HSF đang triển khai thực hiện hơn 80 dự án tại 60 quốc gia trên khắp thế giới. HSF cam kết thúc đẩy dân chủ, hòa bình và phát triển. Hoạt động của HSF dựa trên lý tưởng về con người bao gồm tự do cá nhân, phát triển và tự chủ cũng như trách nhiệm xã hội và sự đoàn kết. HSF đã triển khai các dự án tại Việt Nam trong suốt ba thập kỷ qua. Kể từ khi thành lập văn phòng đại diện tại Hà Nội vào năm 2011, HSF không ngừng tăng cường hợp tác với các đối tác Việt Nam nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thể chế, đặc biệt tập trung vào các vấn đề an sinh xã hội, phát triển bền vững và quản trị toàn diện.

Hãy theo dõi HSF Việt Nam trên Facebook để cập nhật những thông tin về hoạt động của chúng tôi tại:

<https://www.facebook.com/HSF.Vietnam>

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt	III
1 Giới thiệu	1
2 Bối cảnh	3
3 Cơ hội cho các khu vực ngành nghề	5
3.1. Nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hệ thống bảo đảm lương thực	5
3.2. Năng lượng	6
3.3. Lâm nghiệp	7
3.4. Du lịch	8
3.5. Vận tải/Hậu cần vận tải	9
3.6. Đô thị và thành phố đáng sống	11
3.7. Cộng sinh công nghiệp	12
3.8. Công nghệ kỹ thuật số	13
4 Những rào cản và yếu tố thúc đẩy triển khai kinh tế tuần hoàn	15
4.1. Các rào cản và động lực bên ngoài	16
4.2. Các rào cản và động lực bên trong	17
5 Triển khai - thực hiện	18
5.1. Ở cấp quốc gia	20
5.2. Ở cấp tỉnh	21
6 Kết luận	23
Danh mục tài liệu tham khảo	25

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CSCN	Cộng sinh công nghiệp
QHT	Quy hoạch tỉnh
KH&ĐT	Kế hoạch và đầu tư
KTTH	Kinh tế tuần hoàn
NLTT	Năng lượng tái tạo
UBND	Ủy ban nhân dân



1. GIỚI THIỆU

Ở Việt Nam, theo Luật Quy hoạch 2017, quy hoạch tỉnh (QHT) là một quy hoạch quan trọng trong hệ thống quy hoạch quốc gia giúp cho chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có được các định hướng, chiến lược phát triển địa phương trong thời kỳ quy hoạch.¹ QHT được xây dựng với mục tiêu là công cụ tích hợp tổng thể (có tính kết nối, kế thừa với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch của các địa phương lân cận) về các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Việc lập nhiệm vụ và thực hiện QHT không phải là một công việc đơn giản. Mặc dù quy hoạch tỉnh (trước kia là quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội) đã được thực hiện từ lâu nhưng tới nay chỉ mới số ít địa phương hoàn thiện quy hoạch. Các cán bộ địa phương vẫn gặp nhiều khó khăn khi xây dựng các điều khoản tham chiếu và quản lý được các vấn đề hành chính. Việc lựa chọn được tư vấn thực hiện (thông qua đấu thầu) cũng gặp nhiều thách thức trong bối cảnh chỉ có một số ít tổ chức tư vấn đạt được đầy đủ các điều kiện

như quy định trong Luật Quy hoạch 2017. Đây là những hạn chế kể cả về kỹ thuật chi tiết và hệ thống tổng thể.

Thêm vào đó, các QHT cũng phải bảo đảm có cân nhắc đầy đủ chương trình nghị sự toàn cầu của Việt Nam – đặc biệt sau khi Thủ tướng Việt Nam đã cam kết phấn đấu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc năm 2021 (COP26). Điều này có nghĩa là các đề án nói trên cũng phải xem xét cả các thách thức và cơ hội từ các công ước hay các quy định quốc tế (như Thỏa thuận Xanh Châu Âu) và các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) yêu cầu các ngành công nghiệp nội địa thực hiện quá trình chuyển đổi xanh. Việc lồng ghép những khái niệm về nền kinh tế tuần hoàn vào các QHT đóng vai trò chủ chốt giúp Việt Nam đạt được những mục tiêu này.

Kinh tế tuần hoàn (KTTH) hiện vẫn là một khái niệm được định nghĩa theo nhiều cách, và vẫn đang tiếp tục được hoàn thiện. Khái niệm này được Pearce và Turner (1990) sử dụng đầu tiên, với nghĩa là một mô hình kinh tế mới trong đó

¹Benedikter and Loan (2018). ²See Planning Law (2017).

các nguồn lực vận động tuần hoàn trong một vòng khép kín, trái ngược với mô hình tuyến tính theo các bước “khai thác - sản xuất - tiêu dùng - thải bỏ”. Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO) định nghĩa KTTH là “một lựa chọn thay thế cho mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống, theo đó các nguồn lực sẽ được sử dụng trong vòng đời dài nhất có thể, mang lại giá trị tối đa, và phần thải sẽ quay vòng lại thành đầu vào thay vì nằm cuối chuỗi cung ứng, từ đó các nguyên liệu đã qua sử dụng bước vào vòng đời mới”.³ Theo Ellen Mac Arthur Foundation, một nguyên tắc của KTTH là “đảm bảo quá trình thiết kế loại bỏ chất thải và ô nhiễm, giữ cho các nguyên vật liệu và thành phẩm được sử dụng trong thời gian dài nhất có thể, và tái tạo các hệ thống tự nhiên”.⁴

Trong báo cáo này, chúng tôi sử dụng định nghĩa được trích dẫn rộng rãi như sau:

“Khái niệm KTTH mô tả hệ thống kinh tế dựa trên các mô hình kinh doanh thay thế cho khái niệm “kết thúc vòng đời”; thông qua giảm thiểu, tái sử dụng/sử dụng thay thế, tái chế và phục hồi nguyên vật liệu trong quy trình sản xuất/phân phối và tiêu dùng, từ đó mô hình này vận hành ở cả cấp độ vi mô (theo sản phẩm, doanh nghiệp, người tiêu dùng), cấp trung (ở các khu công nghiệp sinh thái) và cấp vĩ mô (ở cấp tỉnh thành, khu vực, quốc gia và rộng hơn), với mục tiêu phát triển bền vững – tức là tạo ra môi trường chất lượng, nền kinh tế thịnh vượng và công bằng xã hội, vì lợi ích của các thế hệ hiện nay và trong tương lai.”⁵

Từ đó, báo cáo này được thực hiện với mục tiêu đưa ra: (1) giới thiệu tổng quan về các nguyên tắc của KTTH và các nghiên cứu điển hình về KTTH giới thiệu lộ trình tăng trưởng bền vững ở địa phương; (2) những nguyên tắc trọng tâm mà địa phương có thể tích hợp vào QHT nhằm nâng cao tính tuần hoàn; (3) những ví dụ cụ thể về (i) những điều chỉnh có thể thực hiện đối với danh mục đầu tư, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, hay các hướng dẫn chính sách giúp tỉnh đạt được tính tuần hoàn cao hơn; và (ii) những cơ hội thúc đẩy KTTH mới (như các hình thức đầu tư) có thể đưa vào các QHT; và (4) định hướng tiếp theo đối với phạm vi nội dung này, như các phương án xuất bản, phổ biến kiến thức, và đào tạo về những khái niệm được xây dựng.

Để đạt được các mục tiêu nói trên, nghiên cứu này được thực hiện thông qua kết hợp nhiều hình thức, như các phiên giải quyết vấn đề, nghiên cứu tài liệu, và tham vấn với các bên liên quan. Ngoài ra, còn có các cuộc phỏng vấn với cán bộ quản lý địa phương và các tổ chức tư vấn quốc tế đang tham gia vào quá trình dự thảo các đề án quy hoạch tỉnh.

Báo cáo này có cấu trúc như sau: đầu tiên, bối cảnh của nghiên cứu – tại sao các nguyên tắc của KTTH lại cần thiết phải được đưa vào các đề án quy hoạch tỉnh để đạt được phát triển bền vững cho Việt Nam – được giới thiệu; thứ hai, các cơ hội KTTH được xác định với các nghiên cứu điển hình. Phần tiếp theo trình bày những rào cản hiện nay và các yếu tố tạo điều kiện cho KTTH; và cuối cùng là các bước lồng ghép KTTH vào QHT.

³ <https://www.unido.org/unido-circular-economy>

⁴ Tham khảo Ellen Mac Arthur Foundation (2019).

⁵ Kirchherr et al. (2017). *Emphasis added*, trong đó nhấn mạnh 1 trong những khía cạnh có lẽ là quan trọng nhất của KTTH – đó là KTTH có thể và cần được tích hợp cùng lúc trên nhiều cấp.



2. BỐI CẢNH

Quy hoạch tỉnh

Nội dung của các QHT tại Việt Nam xem xét nhiều khía cạnh kinh tế - xã hội khác nhau, trên tất cả các ngành kinh tế và mối liên hệ cấp vùng/quốc gia. Thêm vào đó, QHT được xây dựng trong tích hợp với các chương trình, kế hoạch và chiến lược quốc gia giúp quản lý tài nguyên một cách hợp lý. Tuy nhiên, hiện nay những mục tiêu tích hợp/tiếp ghép này vẫn chưa đạt được nhiều.⁶

Mặc dù việc tích hợp khái niệm về KTTH vào QHT được thể hiện rất rõ ràng từ cấp trung ương, hiện các địa phương vẫn đang gặp nhiều khó khăn để hiện thực hóa mong muốn này. Một số tỉnh cũng đã bắt đầu đưa khái niệm KTTH vào quy hoạch – như Tây Ninh và Quảng Ngãi đã trình bày các đề xuất nông nghiệp tuần hoàn vào báo cáo dự thảo quy hoạch; tuy nhiên, các địa phương vẫn chưa hiểu rõ về KTTH, cũng như chưa biết rõ làm thế nào để có thể tích hợp KTTH vào các quy hoạch dài hạn.

⁶ Benedikter và Loan (2018).

Các chương trình nghị sự quốc gia

Ở Việt Nam, KTTH hiện đang có được sự thu hút cả về chính sách và thực tiễn. Khái niệm KTTH đã được nêu bật trong chương trình nghị sự, như trong Nghị quyết định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia tới năm 2030 – Tầm nhìn tới năm 2045 (Nghị quyết 55-NQ/TW) của Bộ Chính trị - Đảng Cộng sản Việt Nam, và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 13 năm 2021. Nguyên tắc “tiết giảm, tái sử dụng và tái chế” (hay còn gọi là 3R) cũng được nhấn mạnh trong Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và một số chính sách khác, bao gồm cả Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ Môi trường đến năm 2020, Tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg, 2012), Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh 2021 – 2030, Tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg, 2021), Kế hoạch Hành động quốc gia về tiêu thụ và sản xuất bền vững giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định 889/QĐ-TTg, 2020), Chiến lược Quốc gia về Biến đổi khí hậu đến năm 2050 (Quyết định 896/QĐ-TTg, 2022), v.v... Vào ngày 7 tháng 6 năm 2022, Thủ tướng đã ban hành Đề án Phát triển Kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam (Quyết định 687/QĐ-TTg, 2022). Trong quyết định này, vai trò của các cơ quan chính phủ cũng được xác định rõ – theo đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng chính quyền cấp tỉnh chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch phát triển KTTH riêng hoặc lồng ghép việc thực hiện

KTTH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thách thức

KTTH là một giải pháp đa mục tiêu. Mặc dù có thể mang đến những tác động lớn, thành công của KTTH thường bị phụ thuộc nhiều vào việc cần có những cách tiếp cận đa chiều cũng như nỗ lực phối hợp liên ngành. Việc thiết kế những dự án hướng đến mô hình kinh doanh KTTH có lợi cho cả hai bên, trên thực tế, rất khó thực hiện. Ngoài ra, mặc dù KTTH đã hình thành và được ứng dụng trong nhiều khu vực ngành nghề tại nhiều quốc gia, việc áp dụng KTTH ở cấp địa phương như tỉnh thành vẫn còn hạn chế.⁷ Để KTTH được thực hiện ở cấp này, cần sự phối hợp nhịp nhàng giữa các giải pháp từ trên xuống (như các quy định môi trường hay động cơ kinh tế) và từ dưới lên (như một mô hình kinh doanh dựa theo KTTH tiềm năng hoặc đã thành công). Một số chủ thể chính như cán bộ các cơ quan chính phủ và các tư vấn cũng gặp nhiều khó khăn khi xây dựng các giải pháp KTTH. Năng lực tích hợp giải pháp KTTH của các tư vấn hiện vẫn còn hạn chế, chưa kể đến việc ứng dụng những cách tiếp cận/giải pháp mới này cần nhiều thời gian và nỗ lực tạo niềm tin.

⁷ Arsova cùng cộng sự. (2021).



3. CƠ HỘI CHO CÁC KHU VỰC NGÀNH NGHỀ

3.1. Nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và hệ thống bảo đảm lương thực

Cơ hội lồng ghép để KTTH có thể đóng góp cho chuỗi cung ứng nông nghiệp – thực phẩm là rất hứa hẹn, do các hoạt động nông nghiệp thường có tác động đáng kể tới môi trường (ví dụ như phát thải nhà kính), đồng thời cũng là các hoạt động có cường độ khai thác tài nguyên cao và tính quay vòng của hệ thống sản xuất lương thực lớn. Ngoài ra, tỷ lệ rác thải/thất thoát cao

(ở mức gần 17% tổng lượng lương thực được sản xuất toàn cầu, và tỷ lệ này ở Việt Nam còn cao hơn) trong các chuỗi cung ứng cũng gợi ý rằng cần có những giải pháp KTTH cụ thể hơn. Việc ứng dụng các nguyên tắc của KTTH vào hệ thống nông nghiệp-lương thực được cho là sẽ giúp mở ra các cơ hội kinh tế, và sẽ đem đến những lợi ích môi trường và xã hội to lớn.⁸ Ở Việt Nam, bên cạnh năng lượng tái tạo, nông nghiệp là một trong những ngành trọng tâm ưu tiên của quy hoạch KTTH quốc gia.

⁸ Rizos cùng cộng sự. (2021).

Các cơ hội lồng ghép KTTH vào các hệ thống nông nghiệp và lương thực xuất hiện trong tất cả các giai đoạn từ sản xuất tới tiêu dùng thực phẩm, xử lý rác thải thực phẩm hay quản lý phụ phế phẩm.⁹ Một số mô hình thú vị đã được ứng dụng trong khu vực nông nghiệp, như mô hình VAC (Hình 1-a) – một kiểu mô hình tuần hoàn nông nghiệp đã được nông dân Việt Nam ứng dụng từ lâu. Một số kỹ thuật và mô hình sản xuất giá trị gia tăng cao khác gần đây cũng đã được xây dựng.

Ví dụ, Công ty cổ phần Việt Nam Food (VNF) đã tận dụng các phụ phẩm từ tôm để sản xuất một số sản phẩm có giá trị cao, như Chitin, Chitosan, dầu tôm, v.v.. (Hình 1 - b). Công ty Vĩnh Hoàn đã áp dụng các nguyên tắc tuần hoàn và xây dựng chu trình sản xuất khép kín, từ khâu sử dụng dư phẩm nông nghiệp ở giai đoạn đầu vào, cho đến sử dụng năng lượng tái tạo (sinh khối, năng lượng mặt trời) trong quá trình sản xuất, cũng như tận dụng các phụ phẩm ở giai đoạn đầu ra (Hình 1 - c).



(1a)



(1b)



(1c)

Hình 1: Ứng dụng KTTH vào hệ thống nông nghiệp và lương thực¹⁰

Theo một số tư vấn đang xây dựng các QHT, nông nghiệp có thể là ngành có tiềm năng hưởng lợi nhiều nhất từ KTTH tại Việt Nam. Các cơ hội ứng dụng KTTH vào hoạt động nông nghiệp là rất lớn và đa dạng, từ tiết giảm sử dụng nước, mức độ sử dụng tài nguyên đất đai và giảm suy thoái môi trường, cho đến cải thiện sức khỏe cộng đồng và các lợi ích kinh tế xã hội như các phụ phẩm có giá trị gia tăng, năng lượng sinh khối, du lịch, giảm thiểu biến đổi khí hậu và tạo việc làm ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, quá trình nhân rộng các mô hình kinh doanh KTTH trong ngành nông nghiệp vẫn đang gặp phải những rào cản nhất định. Ví dụ, (1) những trang trại nhỏ cần phải được kết nối (ví dụ như thông qua các hợp tác xã) để có thể hưởng lợi từ quá trình nhân rộng này; (2) công nghệ KTTH (ở quy mô ngành) hiện vẫn còn hạn chế trong khâu xử lý nguyên liệu thô/phụ phẩm; và (3) người lao động có trình độ hiểu biết thấp

vẫn chiếm tỉ lệ lớn trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Những rào cản này cần sớm được gỡ bỏ để có thể thu hút đầu tư vào khu vực này được tốt hơn.

3.2. Năng lượng

Trong những thập kỷ qua, sự nổi lên của năng lượng tái tạo (NLTT) là một trong những bước phát triển quan trọng nhất đối với phát triển bền vững trong tương lai, đặc biệt là trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Việc tái định hình ngành năng lượng thành hệ thống kinh tế tuần hoàn là một bước chuyển đổi hệ thống quan trọng. Bằng cách dịch chuyển dần ra khỏi mô hình kinh tế tuyến tính truyền thống và hướng dẫn sang KTTH, quá trình dịch chuyển sang nền kinh tế năng lượng sạch sẽ giúp chuỗi cung ứng năng lượng phát triển theo hướng ngắn gọn, minh bạch và đa dạng hơn, và có thể theo dõi các tiêu chuẩn đạo đức dễ dàng hơn.

⁹ [https://www.baosoctrang.org.vn/huyen-chau-thanh/nong-dan-khmer-thanh-cong-tu-mo-hinh-vuon-ao-chuong-57446.html\(1-a\)](https://www.baosoctrang.org.vn/huyen-chau-thanh/nong-dan-khmer-thanh-cong-tu-mo-hinh-vuon-ao-chuong-57446.html(1-a)); [https://www.vnfoods.vn/vi\(1-b\)](https://www.vnfoods.vn/vi(1-b)); [https://www.vinhhoan.com/\(1-c\)](https://www.vinhhoan.com/(1-c)).

¹⁰ Jurgilevich cùng cộng sự. (2016). ¹¹ Dung cùng cộng sự. (2022).

KTTH có ý nghĩa sống còn đối với quá trình chuyển đổi năng lượng, không chỉ giúp giải quyết các vấn đề phát thải nhà kính mà còn cải thiện nền kinh tế. Ý nghĩa ấy được thể hiện qua ba khía cạnh: **(1) tái chế nguyên liệu khan hiếm** đã được sử dụng trong quá trình sản xuất các thiết bị năng lượng tái tạo; **(2) sử dụng vật liệu tuần hoàn và các-bon thấp**; và **(3) thiết kế các hệ thống tuần hoàn. Nâng cao tính ưu việt của các nguyên tắc tuần hoàn trong chuyển đổi năng lượng** là một bước đi táo bạo nhưng cần thiết để đảm bảo thế giới có nguồn cung nguyên liệu bền vững. Chuyển đổi năng lượng không chỉ đơn thuần là dịch chuyển dẫn khỏi nhiên liệu hóa thạch, mà còn phải bảo đảm quá trình này diễn ra dưới cách thức ít lạm dụng môi trường và tài nguyên nhất có thể.¹¹

Sau khi Thủ tướng Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, nhu cầu chuyển đổi năng lượng sang NLTT tại Việt Nam đã trở thành vấn đề bức thiết. Ngoài những nguồn vốn tài nguyên tự nhiên sẵn có mà con người hiện vẫn đang khai thác (như gió, năng lượng mặt trời), lượng sinh khối hiện có từ hoạt động nông nghiệp cũng có thể hỗ trợ phát triển NLTT tại Việt Nam. NLTT cần được đưa vào các mô hình kinh doanh tương ứng trong nhiều ngành nghề (nông nghiệp, phát triển đô thị, giao thông vận tải). Bên cạnh những giải pháp truyền thống (như sử dụng năng lượng gió và năng lượng mặt trời), những tư vấn được phỏng vấn trong phạm vi nghiên cứu này cũng gợi ý việc sử dụng những công nghệ tiên tiến, như thu trữ năng lượng (bao gồm cả năng lượng nước) và phát triển năng lượng sinh khối. Đây là những nội dung cũng cần được đưa ra trong các QHT.

3.3. Lâm nghiệp

KTTH cũng đã được ứng dụng trong lâm nghiệp.¹² Về khía cạnh này, các nguyên tắc của KTTH cũng đồng nhất với những thông lệ trong sản xuất các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng. Ví dụ, các sản phẩm gỗ dùng cho mục đích xây dựng tạo ra lượng khí thải các-bon thấp hơn so với bê tông cho các tòa nhà. Gỗ, sợi xen-lu-lô và

các phụ phẩm từ chúng (như linin) có thể thay thế các nguyên vật liệu không thể tái tạo. Các giải pháp KTTH khác, như tái chế giấy, cũng là những thực hành phổ biến. Do đó, rừng và các sản phẩm từ rừng có thể đóng vai trò mấu chốt trong nền KTTH thông qua việc cung cấp nguồn nguyên liệu thô có thể tái tạo.

Theo Hội đồng Doanh nghiệp Thế giới về Phát triển bền vững, nền KTTH dựa vào rừng có thể trực tiếp giải quyết các Mục tiêu Phát triển Bền vững số 7, 8, 11 và 12 thông qua các mô hình kinh doanh sử dụng nguyên liệu hiệu quả, có tính sinh học và tuần hoàn. Quá trình này bao gồm: 1) cho phép tái chế dòng thải và xử lý dư đọng trong chuỗi giá trị một cách hiệu quả với hiệu suất cao, để tạo ra nguồn năng lượng và làm nguyên vật liệu cho các ngành công nghiệp khác, như công nghiệp hóa chất và xi măng; 2) tăng tỷ lệ thu hồi toàn cầu đối với các sản phẩm từ sợi gỗ; 3) đổi mới mô hình kinh doanh và thiết kế của sản phẩm nhằm đưa ra các giải pháp cuối vòng đời đối với các sản phẩm dùng một lần từ sợi.¹³

Trong vài thập kỷ qua, mặc dù Việt Nam đã xem xét một số hoạt động lâm nghiệp tuần hoàn (như tái trồng rừng), những thành công có được vẫn còn rất hạn chế. Các báo cáo vẫn thường xuyên đề cập tới hệ quả của phá rừng tới suy thoái sinh thái, như lũ lụt và hạn hán. Chính phủ cũng đã công nhận đây là một vấn đề và nỗ lực trồng cây trên cả nước. Năm 2021, Thủ tướng ban hành Quyết định 524/QĐ-TTg – đề án trồng 1 tỷ cây xanh trong giai đoạn 2021 – 2025 và đã nhận được sự ủng hộ và đánh giá cao của các bên liên quan.

Gần đây, Chương trình Phát triển Lâm nghiệp bền vững Quốc gia 2021 – 2030 (Quyết định 809/QĐ-TTg, ngày 12 tháng 7 năm 2022) do Thủ tướng ban hành cũng xem xét nhiều khía cạnh nội dung như phát triển rừng, bảo vệ rừng và sử dụng rừng, hay chế biến và thương mại lâm sản. Các nhiệm vụ trong Chương trình này bao gồm:

- Quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền

¹² UNECE (2022).

¹³ WBCSD (2020).

vững các diện tích rừng, đóng góp ngày càng lớn vào sự phát triển kinh tế-xã hội

- Đóng góp vào tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế, có liên hệ với bảo vệ môi trường sinh thái
- Bảo tồn và tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu các tác động tiêu cực do thiên tai gây ra, giảm phát thải khí nhà kính, lưu trữ các-bon cũng như góp phần thực hiện các cam kết của Việt Nam tại Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước Khung của Liên Hợp Quốc về Biến đổi khí hậu (COP26)
- Đóng góp vào an ninh quốc phòng

KTTH trong lâm nghiệp mang lại cho Việt Nam nhiều cơ hội, không chỉ hỗ trợ việc thực hiện chương trình mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0, mà còn mang lại nhiều lợi ích đối với phát triển kinh tế-xã hội. Tích hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, du lịch, bảo tồn văn hóa/thiên nhiên, tái sinh hay công nghiệp sản xuất gỗ và nội thất cũng là những giải pháp tích hợp tiềm năng có thể đưa vào các QHT.

3.4. Du lịch

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới UNWTO, ngành du lịch hiện đang có ảnh hưởng đáng kể tới sự phát triển kinh tế, xã hội và môi trường.¹⁴ Về khía cạnh kinh tế, phát triển du lịch có thể giúp tạo việc làm, thu đổi tiền tệ và xuất khẩu. Về khía cạnh xã hội, du lịch mang lại các tác động tích cực cho các cộng đồng bản địa thông qua mối quan hệ trực tiếp và gián tiếp với du khách, hay các tương tác đối với ngành công nghiệp này. Về môi trường, ngành du lịch có thể giúp nâng cao nhận thức của du khách nhằm thúc đẩy các thực hành bền vững.

Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây, đã có một số lượng lớn các công trình nghiên cứu khoa học đề cập tới các vấn đề bền vững nghiêm trọng liên quan tới hoạt động du lịch.¹⁵ Các học giả đã nghiêm túc xem xét lượng thải CO2 khổng lồ do số lượng người di chuyển bằng hàng không ngày càng tăng tạo ra, cũng như lượng tiêu thụ và lượng thải quá mức nước, năng lượng, thực phẩm và các nguyên liệu khác từ các thực hành và công nghệ thiếu bền vững trong ngành dịch vụ khách sạn và ăn uống.¹⁶ Một công trình nghiên cứu sâu rộng đã xem xét các tác động xã hội không bền vững của ngành du lịch như “tăng trưởng lượng khách quá mức”, “áp lực lên thị trường nhà ở địa phương, các di sản văn hóa, v.v..¹⁷, cũng như các vấn đề liên quan đến tính kinh tế bền vững của hoạt động du lịch và mô hình tăng trưởng của các hình thức kinh doanh và quy hoạch du lịch như hiện nay. Do vậy, nhu cầu tích hợp KTTH vào các hoạt động du lịch giờ đây ngày càng tăng nhằm giải quyết các vấn đề môi trường và cải thiện tiềm năng du lịch, hướng tới phát triển bền vững.

KTTH trong du lịch có thể được xem xét trên toàn bộ chuỗi giá trị: từ vận tải hàng không, vận tải đường bộ, lưu trú, các hoạt động tại điểm du lịch, ăn uống, các sự kiện du lịch và dịch vụ di chuyển. Quyết định số 147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã nhấn mạnh sự cần thiết phải “phát triển du lịch bền vững và bao trùm, trên nền tảng tăng trưởng xanh, tối đa hóa sự đóng góp của du lịch cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu”.¹⁸

¹⁴ CenTOUR (2020).

¹⁵ Manniche cùng cộng sự. (2021) ¹⁶ Hall & Saarinen (2020). ¹⁷ Gyimóthy cùng cộng sự. (2020).

¹⁸ Quyết định 147/QĐ-TTg, tham khảo tại <https://luatvietnam.vn/van-hoa/quyet-dinh-147-qd-ttg-chien-luoc-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2030-180149-d1.html>

Nghiên cứu điển hình: Du lịch cộng đồng tại thị trấn Phong Nha, tỉnh Quảng Bình¹⁹

Du lịch cộng đồng tại thị trấn Phong Nha được xây dựng theo hướng phát triển bền vững và đã ứng dụng một số các nguyên tắc tuần hoàn. Những thay đổi này không chỉ thu hút nhiều du khách tới nghỉ lại mà còn thúc đẩy lối sống tuần hoàn và bền vững. Câu chuyện thành công dưới đây là kết quả của sự phối hợp giữa chính quyền tỉnh, các hộ gia đình và doanh nghiệp địa phương.

Đầu tiên là những nỗ lực tập trung cải thiện quang cảnh “xanh”. Khoảng cách từ trung tâm Huyện Bố Trạch tới Phong Nha – Kẻ Bàng khoảng 30km, dọc hai bên đường cây xanh trồng kín. Đây là sáng kiến của chính quyền địa phương và được các hộ dân cùng Đoàn Thanh niên hỗ trợ thực hiện.

Thứ hai, bảo vệ môi trường luôn được đặt lên hàng đầu. Thùng rác sinh thái tự chế được đặt ở khắp mọi nơi. Ngoài ra, Đoàn Thanh niên cũng tổ chức các hoạt động thu gom rác thải, dọn cỏ và trồng hoa ở các khu vực công cộng vào cuối tuần và trước các dịp lễ, hay hội hè, không chỉ giúp du khách mà cả dân cư trong khu vực cũng có trải nghiệm sống tốt hơn.

Thứ ba, phát triển bền vững cũng được xúc tiến trong khu vực tư nhân. Các doanh nghiệp địa phương áp dụng các thực hành bền vững trong hoạt động của mình như sử dụng túi gói sinh thái và ít dùng sản phẩm nhựa hơn. Thêm vào đó, các doanh nghiệp địa phương cũng cung cấp các dịch vụ thân thiện với môi trường như cho thuê xe đạp, lều trại, và chèo xuồng kayak.

Việc triển khai KTTH vào ngành du lịch ở Việt Nam vẫn còn tiềm năng rất lớn. Các tư vấn quy hoạch đã chỉ ra rằng, ví dụ, du lịch có thể liên hệ với nông nghiệp sạch/hữu cơ, xây dựng xanh, tiêu dùng xanh, các trải nghiệm liên quan tới rừng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bảo tồn văn hóa và đa dạng sinh học, cũng như tái tạo, và các công nghệ tiên tiến như thực tế ảo.

3.5. Vận tải/Hậu cần vận tải

Theo Quý Ellen MacArthur, hệ thống giao thông vận tải có tính tuần hoàn có thể giúp giảm phát thải từ các phương tiện động cơ tới 70% vào năm 2050, tương đương 285 triệu tấn CO₂. Những con số này có thể đạt được thông qua ba cơ chế dưới đây:

1. KTTH giúp thiết kế các loại phương tiện di chuyển bằng điện nhẹ hơn và bền hơn. Việc những phương tiện được thiết kế có trọng lượng nhẹ hơn có nghĩa là sẽ cần ít nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất, và lượng năng lượng cần thiết để vận hành chúng cũng ít hơn. Điều này, tới thời điểm năm 2050, sẽ giúp giảm mức tương đương 89 triệu tấn CO₂ mỗi năm. Khi các phương tiện này có độ bền cao hơn cũng giúp cắt giảm mức tương đương 208 triệu tấn CO₂ mỗi năm vào năm 2050.

2. KTTH cũng đóng góp vào chia sẻ phương tiện, nghĩa là con người nhìn chung sẽ sử dụng các phương tiện chung nhiều hơn và sẽ cần ít số lượng các phương tiện trên thế giới hơn, từ đó giúp giảm tương đương 66 triệu tấn CO₂ mỗi năm vào năm 2050.

3. KTTH hỗ trợ thiết kế các phương tiện có thể tái sử dụng và tái sản xuất. Tái sản xuất và sử dụng một động cơ sử dụng ít hơn tới 85% tổng lượng các-bon cần để sản xuất một động cơ mới. Chiến lược này sẽ giúp giảm tương đương 38 triệu tấn CO₂ mỗi năm vào năm 2050.²⁰

Thêm vào đó, chuyển sang sử dụng các loại xe điện sẽ làm giảm một nửa các tác động tới khí hậu so với việc sử dụng ô tô.

Cùng với giao thông vận tải, tích hợp KTTH trong ngành logistics (hậu cần - kho vận) sẽ

¹⁹ Tham khảo tại <https://special.nhandan.vn/dulichcongdong/index.html>

²⁰ Tham khảo từ Quý Ellen McArthur Foundation (2020).

mang lại những lợi ích to lớn không chỉ đối với ngành này mà đối với cả môi trường chung.²¹ Điểm này cũng đã được thảo luận ở rất nhiều ngành nghề liên quan, như Quản lý chuỗi cung ứng (SCM), Quản lý Chuỗi Cung ứng xanh và bền vững (GSCM và SSCM), Quản lý Chuỗi cung ứng vòng kín (CLSCM). Khi được tích hợp các nguyên tắc của KTTH, quy trình trung gian kho vận có thể tuần hoàn trong chuỗi cung ứng sẽ giúp giảm chi phí vận tải, tận dụng được hết các phụ phẩm, và giảm thải các-bon.²² Tính tiên tiến của Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tối ưu hóa các hệ thống hậu cần kho vận.²³

Tại Việt Nam, Quyết định 876/QĐ-TTg (2022) của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải đã nhấn mạnh mục tiêu tổng thể là: Phát triển hệ thống giao thông vận tải xanh hướng tới mục tiêu phát thải ròng khí nhà kính về 0 vào năm 2050. Một quyết định khác của Thủ tướng, Quyết định 889/QĐ-Ttg (2020) phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững cũng yêu cầu cần phát triển hệ thống hậu cần và cung ứng xanh giúp phân phối và vận chuyển hàng hóa trong tất cả các ngành.

Nghiên cứu điển hình: VinBus – Vì một Việt Nam xanh hơn²⁴

VinBus là hãng vận tải công cộng mới ra mắt của tập đoàn Vingroup, được thành lập ngày 25 tháng 4 năm 2019. Được vận hành dưới mô hình phi lợi nhuận, mục tiêu của VinBus là đóng góp vào việc xây dựng hệ thống vận tải công cộng xanh, hiện đại và văn minh hơn, từ đó giúp giảm ô nhiễm khí thải và tiếng ồn ở các không gian đô thị Việt Nam.

VinBus đã cho ra mắt chiếc xe buýt điện đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam có pin dung lượng lên tới 281kWh, và có khả năng di chuyển tới 260 km cho một lần sạc. Chiếc xe này rất thân thiện với môi trường, không phát thải và tạo ra lượng tiếng ồn rất nhỏ. Với mạng lưới vận hành được triển khai tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, và Phú Quốc, VinBus đã giúp cho việc di chuyển trong đô thị trở nên nhanh, thuận tiện và an toàn hơn. Sử dụng xe buýt điện VinBus giúp giảm lượng thải CO₂ tới 443,217.4 kg so với khi sử dụng các loại phương tiện khác.



Source ²⁵

²¹ De Angelis (2018) và Calzolari cùng cộng sự. (2022).

²² Jack và Krzyzaniak (2020).

²³ Kumar cùng cộng sự. (2021).

²⁴ <https://vinbus.vn/en/gioi-thieu>

²⁵ <https://www.vinbus.vn/tong-hop-lo-trinh-cac-tuyen-xe-buyt-dien-tai-ha-noi>

Theo các tư vấn xây dựng QHT, giao thông vận tải và hậu cần kho vận cũng đóng vai trò quan trọng giúp tăng cường hợp tác kinh tế liên tỉnh và khu vực. Tích hợp KTTH trong giao thông/hậu cần kho vận cũng có thể song hành với các chính sách năng lượng để huy động được tài chính xanh. Các cơ chế như sản phẩm dưới dạng dịch vụ và hợp tác công-tư cũng là những giải pháp có thể ứng dụng trong khu vực ngành nghề này.

3.6. Đô thị và thành phố đáng sống

Các thành phố đóng vai trò then chốt trong nền kinh tế toàn cầu: dù chỉ chiếm 4% tổng diện tích bề mặt trái đất, nhưng các thành phố lại là nơi cư trú của 55% tổng dân số toàn thế giới.²⁶ Các khu vực đô thị hiện đang tiêu thụ 75% tổng lượng tài nguyên toàn cầu, tạo ra 50% tổng lượng rác thải toàn cầu và 60-80% lượng khí thải nhà kính.²⁷ Các dự báo cho rằng tới năm 2050, khoảng 70% dân số toàn cầu sẽ sống ở các thành phố, và lượng khí nhà kính từ đô thị trên toàn cầu sẽ tăng gấp 3 vào năm 2030 so với năm 2000. Do vậy, lượng tiêu thụ nhiên liệu đô thị sẽ tiếp tục gia tăng. Ở Việt Nam, số lượng các thành phố thông minh và tiên tiến đang ngày càng gia tăng. Các sáng kiến xây dựng các thành phố thông minh của TP. Hồ Chí Minh (như TP. Thủ Đức), Huế, và Hà Nội hiện đang được chính phủ và các tập đoàn lớn (như VNPT, Viettel, Mobifone) thúc đẩy.

Cách tiếp cận KTTH có thể mang lại những cơ hội tái định hình cách thức con người sản xuất và sử dụng mọi thứ và có thể giúp khám phá ra những cách bảo đảm thịnh vượng lâu dài. Việc thực hiện những nguyên tắc KTTH tại các thành phố đô thị có thể đẩy nhanh sự ra đời của các đô thị thịnh vượng, đáng sống và có tính chống chịu cao, đồng thời mang đến nhiều lợi ích kinh tế, văn hóa và môi trường. Ở những thành phố đô thị thịnh vượng, năng suất kinh tế tăng cao do ít tắc nghẽn hơn, chất thải không còn và các chi phí liên quan cũng giảm đi. Đồng thời, các cơ hội kinh doanh và tăng trưởng mới cũng giúp nâng cao tay nghề và tạo ra việc làm. Công

dân sẽ được sống trong bầu không khí chất lượng hơn, ít ô nhiễm hơn, và các tương tác xã hội sẽ được cải thiện, chất lượng cuộc sống nhìn chung sẽ tăng lên. Các thành phố có tính chống chịu cao cũng ít bị phụ thuộc vào các nguyên vật liệu thô hơn, do có thể sử dụng các sản phẩm lâu hơn và cân bằng giữa sản xuất tại địa phương và chuỗi cung ứng toàn cầu.²⁸

Thực hiện KTTH tại các khu vực đô thị cũng bao gồm cả hạ tầng xanh biển-xanh lá (hạ tầng có cả hai yếu tố nước và cây cối). Hạ tầng xanh biển nói tới những thành tố có nguồn gốc nước, như sông ngòi, ao hồ, vùng trũng – vùng dễ bị lũ lụt, các hạ tầng xử lý nước. Hạ tầng xanh lá bao gồm cây cối, bãi cỏ, hàng rào, công viên, đồng cỏ hay rừng cây. Hạ tầng xanh biển-xanh lá là thuật ngữ rộng hơn, nói tới cách tiếp cận quy hoạch đô thị mà trong đó thiết kế đô thị sẽ tổng hòa giữa cơ sở hạ tầng tự nhiên và nhân tạo sao cho toàn bộ chu trình tuần hoàn nước sẽ diễn ra trong thành phố. Quá trình này sẽ giúp cải thiện việc cung cấp các dịch vụ sinh thái nước, như giảm ô nhiễm không khí, các công viên được tưới tiêu tốt hơn, cung cấp nước uống cho địa phương cũng như giảm thiểu các tác hại của lũ lụt hay lan truyền các chất gây ô nhiễm. KTTH đô thị tích hợp vào quy hoạch đô thị thông qua kết gọn các tòa nhà nhằm giảm sự xâm lấn của thành phố vào các không gian nông nghiệp và tự nhiên, đáp ứng nhu cầu vận chuyển của cư dân, và tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng. Một số ngành nghề hứa hẹn sẽ phát triển trong nội dung này là nông nghiệp đô thị, sinh thái đô thị, và giao thông vận tải.

Trao đổi chất và khai thác đô thị (urban metabolism and urban mining) cũng là những giải pháp KTTH đô thị mới. Chúng có thể giúp quản lý dòng nguyên vật liệu, khí đốt, năng lượng, nước và rác thải ở thành phố. “Chuyển hóa không gian đô thị” nói đến “tổng thể quá trình kinh tế xã hội và kỹ thuật diễn ra ở các thành phố mà dẫn đến tăng trưởng, tạo năng lượng và loại bỏ chất thải” của các hệ thống đô thị khác nhau.²⁹ Khai thác đô thị là quá trình thu hồi nguyên liệu thô từ các sản phẩm đã qua sử

²⁶ United Nations, D.o.E.a.S.A(2018).

²⁸ Quỹ Ellen MacArthur (2017).

²⁷ Quỹ Ellen MacArthur (2021).

²⁹ Kennedy cùng cộng sự. (2007).

dụng, từ các tòa nhà, và rác thải – cụ thể là chất thải kim loại tinh chế trong sản xuất.³⁰ Xem xét chuyển hóa không gian đô thị và khai thác đô thị sẽ giúp các thành phố giảm đầu vào cần thiết và tăng tính chống chịu

Một thành phố thông minh sẽ tối ưu hóa 3 thông số chính: (1) tiêu thụ năng lượng hiệu quả, có tính lưu động cao, và liên lạc nhanh chóng, dễ dàng. Các thành phố thông minh sử dụng Internet of Things (IoT) làm nền tảng vận hành chính, tích hợp các nguồn lực, công nghệ, dịch vụ và hạ tầng. Thành phố thông minh chỉ có thể hoạt động được với một nền tảng điện toán có quy mô lớn và được trang bị trí tuệ nhân tạo (AI). Từ nền tảng này, có thể phân tích các dữ liệu hạ tầng đô thị về giao thông, chất lượng nước, điện và không khí theo thời gian thực và chuyển đổi liên tục, để tối ưu hóa được các thông số chính trong đời sống đô thị. Để triển khai các giải pháp tích hợp nhận thức với phản hồi của AI (gần) thời gian thực (như hệ thống thông báo/cảnh báo), điều kiện tiên quyết trong quy hoạch tổng thể là có mạng 5G, dù với mục đích bảo mật hay để tạo liên hệ với các ranh giới địa lý số.³¹ Những giải pháp này đóng vai trò quan trọng trong tích hợp KTTH, bao gồm quản lý chất thải, chuỗi cung ứng đô thị, và logistics.

3.7. Cộng sinh công nghiệp

Cộng sinh công nghiệp (CSCN) là một cách tiếp cận hợp tác nhằm đạt lợi thế cạnh tranh, trong đó các doanh nghiệp/ngành công nghiệp độc lập tạo ra mạng lưới hợp tác để trao đổi nguyên vật liệu, năng lượng, nước, và/hoặc phụ phẩm. CSCN đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi hướng tới phát triển bền vững. Cụ thể, CSCN giải quyết các vấn đề liên quan đến sự cạn kiệt tài nguyên, quản lý chất thải và ô nhiễm bằng cách tận dụng các dòng thải để tạo ra giá trị xuyên suốt mạng lưới các chủ thể công nghiệp.³² Gần đây, CSCN được coi là ví dụ điển hình của mô hình kinh doanh có tính kinh tế tuần hoàn.³³

Theo Vụ Quản lý các Khu Kinh tế thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hiện nay Việt Nam đang có 335 khu công nghiệp với tổng diện tích 97.84 nghìn héc-ta, trong đó 260 khu đã đi vào hoạt động và 75 khu hiện đang được xây dựng. Tỷ lệ lấp kín chỗ trong các khu công nghiệp hiện đang hoạt động đạt hơn 76%. Ngoài ra, Việt Nam có 17 khu kinh tế đã thành lập, với tổng diện tích đất và mặt nước gần 850 nghìn héc-ta.³⁴ Mặc dù đã đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế-xã hội, việc vận hành các khu kinh tế và khu công nghiệp trong những năm gần đây vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế (đặc biệt về các vấn đề môi trường).

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, tỷ lệ khu công nghiệp có trạm xử lý nước thải tập trung mới chỉ đạt 66%.³⁵ Trong khi đó, ước tính có khoảng gần 70% trong tổng số hơn một triệu mét khối nước thải phát sinh từ các khu công nghiệp vẫn đang ngày đêm xả trực tiếp vào nguồn nhận mà không đi qua bất kỳ công đoạn xử lý nào. Tỷ lệ thu gom rác thải công nghiệp ở Việt Nam cũng chỉ đạt khoảng 31%³⁶. Xử lý và quản lý chất thải kém đã và đang đặt ra những thách thức lớn cho nhiều cấp, ngành – đặc biệt là ngành môi trường.

Nghị định 82/2018/ND-CP và Nghị định 35/2022/ND-CP mới sửa đổi gần đây của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã nêu rõ mục tiêu của các chính sách nhằm khuyến khích phát triển các khu công nghiệp sinh thái, cũng như các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam.³⁷ Cụ thể, mục tiêu của việc phát triển khu công nghiệp sinh thái là nhằm “cải thiện hiệu suất kinh tế của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp”. Tuy nhiên, ứng dụng khu công nghiệp sinh thái (ở đây là cộng sinh công nghiệp) – dù đã được thí điểm tại Việt Nam từ những năm 2015-2020, tới

³⁰ SINTEF (2021).

³¹ Kokkinos và Fotopoulos (2021).

³² Massard cùng cộng sự. (2014).

³³ Bocken cùng cộng sự. (2014).

³⁴ <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1145/71101/thuc-trang-va-ton-tai-trong-qua-trinh-quy-hoach-dau-tu-khu-cong-nghiep-va-qua-trinh-phat-trien-do-thi-gan-voi-nha-o-cong-nhan.aspx>

³⁵ <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/824299/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong-cac-khu-cong-nghiep.aspx>

nay mới chỉ có 6 khu công nghiệp sinh thái. Con số này chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ so với tổng số 335 KCN trên cả nước.

Các hoạt động ứng dụng KTTH vào ngành công nghiệp tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Về điểm này, theo các chuyên gia tư vấn quy hoạch, các công ty nông nghiệp và chế biến thực phẩm, đóng gói bao bì (không sử dụng ni-lông) và các công ty năng lượng có thể hợp tác với nhau. Phát triển công nghiệp cần được tích hợp chặt chẽ với phát triển giao thông vận tải/hậu cần (như các hợp tác vùng). Ngoài ra, các chính sách hướng đến nâng cao tính sẵn có của lao động có tay nghề cũng rất quan trọng, không chỉ vì mục đích đào tạo con người hay nâng cao tiền lương, mà còn là vấn đề điều kiện sống như môi trường sống, cơ sở giao dịch cho con em người lao động, hay an toàn thực phẩm, v.v.

3.8. Công nghệ kỹ thuật số

Trong Cách mạng công nghiệp 4.0, những công nghệ đột phá như IoT, in 3D hay người máy đang khiến cho các chiều không gian vật lý, kỹ thuật số và sinh học trở nên kết nối với nhau ngày càng chặt chẽ hơn.³⁸ Những biến chuyển này khiến các doanh nghiệp cần phải cải tiến để bắt kịp được với làn sóng phát triển. Gần đây, mối quan tâm của khối tư nhân về KTTH cũng gắn liền với Công nghiệp 4.0: những cải tiến đột phá như big data, kết nối máy móc với máy móc (M2M), hóa học xanh hay hệ thống tái chế tiên tiến, trên thực tế, đang mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp triển khai theo hướng KTTH.³⁹ Những cơ hội này hiện đang mở rộng quyền kiểm soát đối với các mặt hàng không nằm tại điểm bán lẻ, cho phép trả lại sản phẩm, tạo ra vòng vận hành khép kín, mà vẫn có thể theo dõi tình trạng của sản phẩm để giảm thiểu rác thải, và từ đó tối đa hóa việc sử dụng sản phẩm, hay thay thế nguyên liệu gây ô nhiễm bằng các giải pháp dựa trên cơ chế sinh học.⁴⁰ Do đó, công nghệ là chìa khóa nâng cấp các ứng dụng KTTH lên một nấc thang mới. Có rất

nhiều loại công nghệ hỗ trợ cho KTTH, và có thể được chia thành nhóm công nghệ kỹ thuật số, và công nghệ thiết kế và kỹ thuật.

Công nghệ kỹ thuật số (như IoT, các giải pháp nền tảng chia sẻ số hay di động, v.v..) đã mở đường cho tăng cường kiểm soát các vật dụng/sản phẩm trong cả giai đoạn sử dụng và sau khi đã bị loại bỏ, do đó chúng có thể giúp hỗ trợ các chiến lược ứng dụng KTTH nhằm mục đích tăng tỷ lệ sử dụng hay kéo dài vòng đời của các vật dụng thông qua dự đoán thời điểm hay tình trạng cần bảo trì/bảo dưỡng và thông tin thời gian thực về tình trạng của các vật dụng.⁴¹ Một số công nghệ số như các nền tảng di động hay nền tảng số cũng phụ thuộc lớn vào tương tác của người dùng. Về khía cạnh này, các doanh nghiệp có định hướng vận hành theo hướng KTTH có thể tận dụng cơ hội thu hẹp dần khoảng cách kỹ thuật số để thâm nhập các thị trường mới ở các nước đang phát triển như Việt Nam, do ở đây tệp khách hàng của doanh nghiệp sẽ còn tiếp tục gia tăng.

Tại Việt Nam, chuyển đổi số đã được đưa vào chương trình nghị sự quốc gia, trong đó đặt mục tiêu kinh tế số sẽ đóng góp 30% vào tổng GDP toàn quốc vào năm 2030. Thủ tướng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đây là một chương trình mở, bao trùm và tạo nền tảng cho quá trình xây dựng các chương trình mục tiêu kinh tế-xã hội. Bộ Thông tin và Truyền thông, cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã khởi xướng các chương trình chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (như <https://smedx.vn/>), có thể giúp nâng cao các giải pháp kỹ thuật số theo hướng KTTH trong tất cả lĩnh vực. Về nội dung này, chính quyền TP. Hồ Chí Minh hiện đang đi tiên phong khi ban hành kế hoạch tích hợp kinh tế số, kinh tế chia sẻ và kinh tế tuần hoàn là những đổi mới chính trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của thành phố này.

³⁶ <https://www.moitruongvadothi.vn/thuc-trang-va-giai-phap-xu-ly-rac-thai-cong-nghiep-o-viet-nam-a79770.html>

³⁷ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-82-2018-ND-CP-quy-dinh-ve-quan-ly-khu-cong-nghiep-va-khu-kinh-te-332027.aspx>

³⁸ Schwab (2016). ³⁹ Tonelli & Cristoni (2020). ⁴⁰ Lieder (2017). ⁴¹ Tonelli & Cristoni (2020).



CIRCULAR ECONOMY



4. NHỮNG RÀO CẢN VÀ YẾU TỐ THỨC ĐẨY TRIỂN KHAI KTTH

KTTH là một khái niệm mới, và do đó, việc áp dụng khái niệm này sẽ gặp phải những rào cản nhất định về chính trị, công nghệ, kinh tế và xã hội.⁴² Trong quá trình khảo sát tài liệu nghiên cứu của mình năm 2018, de Jesus và Mendonça đã tìm ra một số động lực thúc đẩy, cũng như rào cản của quá trình chuyển dịch sang KTTH. Những động lực và rào cản này có thể được phân loại thành 2 nhóm: nhóm những yếu tố cứng (như kỹ thuật, kinh tế, nguồn lực tài chính) và nhóm những yếu tố mềm (như quy định/thể chế, văn hóa, xã hội). Bài học kinh nghiệm có

thể rút ra từ Trung Quốc cho thấy rõ ràng rằng các yếu tố quốc tế có ảnh hưởng tới quá trình chuyển dịch sang KTTH: những động lực từ bên ngoài này bao gồm sự ảnh hưởng và quá trình tiếp nhận các xu hướng toàn cầu, nhu cầu cạnh tranh quốc tế, cũng như quá trình phổ biến ý tưởng từ các tổ chức quốc tế.⁴³ Một trường hợp khác là Hà Lan, Thỏa thuận chung Paris, chương trình Hành động khí hậu EU và những thỏa thuận quốc tế khác là những yếu tố thúc đẩy gây ảnh hưởng tới quá trình tiếp nhận và triển khai KTTH ở quốc gia này.

⁴² Mathews cùng cộng sự. (2010).

⁴³ Luo and Leipold (2022).

4.1. Các rào cản và động lực bên ngoài

Rào cản và động lực từ thị trường

Rào cản về chuỗi cung ứng được xác định là rào cản dễ thấy nhất đối với việc triển khai các mô hình kinh doanh KTTH của các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện, điện tử và nông sản-thực phẩm ở Châu Âu. Những rào cản về kinh tế và tài chính này có liên quan chặt chẽ tới thực tế là các giải pháp KTTH hiện còn tốn kém, như cần phải mua máy móc mới và xây dựng các quy trình vận hành mới để tăng được sản lượng sản phẩm.

Trong khi đó, nhu cầu đối với các sản phẩm bền vững/có tính tuần hoàn ngày càng tăng lại là yếu tố thúc đẩy các thực hành KTTH mới dễ thấy nhất.⁴⁴ Áp lực thị trường và cạnh tranh đồng đẳng (bao gồm cả cạnh tranh trên các sản phẩm hay quy trình không tuần hoàn) – áp lực cần đáp ứng nhu cầu đối với các sản phẩm và giải pháp thay thế bền vững ngày càng cao – cũng là yếu tố kinh tế thúc đẩy triển khai KTTH.⁴⁵ Một yếu tố động lực khác là liên kết thông tin giữa nhà sản xuất và khách hàng. Ở cấp độ toàn cầu, nhu cầu thị trường cần có thực phẩm an toàn, và các quy định cũng như tiêu chuẩn đối với sản phẩm nhập khẩu cũng ảnh hưởng tới việc áp dụng các phương pháp tuần hoàn. Ngược lại, sự thiếu quan tâm hay niềm tin vào các giải pháp tuần hoàn, hay chất lượng và độ tin cậy của các sản phẩm tân trang là rào cản đối với sự phát triển các giải pháp KTTH.⁴⁶

Các yếu tố chính trị và thể chế

Nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách công là yếu tố thúc đẩy KTTH được nhắc đến nhiều nhất. Nguồn hỗ trợ này sẽ giúp các doanh nghiệp vượt qua được hạn chế tài chính và cải tiến tốt hơn. Ở Việt Nam, hỗ trợ tài chính trong quá trình chuyển dịch sang KTTH là rất cần thiết nếu muốn đẩy nhanh các mô hình kinh doanh KTTH tập trung, và có thể xem xét từ hai nguồn ngân

sách chính là nguồn chi tiêu hàng năm của chính phủ và nguồn ngân sách từ các chương trình mục tiêu quốc gia.⁴⁷ Để sử dụng được những nguồn này, cần có sự tham gia của các Bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương liên quan, như Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng như Ủy ban Nhân dân các tỉnh, v.v.. Ngoài ra, còn có các công cụ hỗ trợ ứng dụng KTTH khác, như cơ chế thuế phí ưu đãi, giúp sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm xanh, cũng như tăng mức chi phí của các phương pháp tiêu thụ gây tổn kém nhiều nguồn lực cao hơn so với sử dụng các mô hình tiêu thụ hiệu quả.

Những đóng góp của KTTH vào giảm phát thải khí nhà kính và ô nhiễm cũng phù hợp với các cam kết bảo vệ môi trường của Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. KTTH hiện đang thu hút được sự chú ý của các chương trình nghị sự, và nhận được sự ủng hộ từ cấp chính trị cao nhất (như nghị quyết của Đảng, hay gần đây nhất là kế hoạch phát triển KTTH quốc gia được Thủ tướng chính phủ thông qua). Chiến lược quốc gia được coi là yếu tố quan trọng nhất giúp thúc đẩy quá trình chấp thuận và ứng dụng KTTH, do những chiến lược này tạo ra khung pháp lý và không gian đầu tư và triển khai an toàn các thực hành KTTH.⁴⁸

Sự tham gia của các bên liên quan cũng được coi là một yếu tố thúc đẩy nhân rộng các mô hình KTTH.⁴⁹ Cũng giống như việc áp dụng các quy tắc thân thiện với môi trường, sự xuất hiện gia tăng của KTTH sẽ đòi hỏi các chủ thể chính trị khác nhau từ cấp trung ương đến cấp xã phường phải tham gia vào quá trình nhân rộng đó. Ví dụ, trong trường hợp ngành dịch vụ ăn uống tuần hoàn ở Hà Lan, các chủ thể từ cấp cơ sở cùng tham gia vào quá trình dịch chuyển. Bên cạnh các chủ thể bên ngoài, cư dân tại cộng đồng, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, và các nhà vận động hành lang cùng tham gia vào quá trình này đã làm gia tăng sức ép chuyển đổi sang KTTH.⁵⁰

⁴⁴ Rizos cùng cộng sự. (2021).

⁴⁷ Thang (2021).

⁵⁰ Greer cùng cộng sự. (2020).

⁴⁵ Greer cùng cộng sự. (2020).

⁴⁸ Greer cùng cộng sự. (2020).

⁴⁶ Rizos cùng cộng sự. (2021).

⁴⁹ Quỳ Ellen MacArthur (2022).

Ngược lại, một số rào cản đối với quá trình triển khai và nhân rộng KTTH ở Trung Quốc đã được xác định bao gồm: thiếu sự hỗ trợ và hệ thống quy định pháp lý rời rạc, công nghệ, đầu tư và các chính sách ưu đãi còn hạn chế, sự khác biệt và phát triển không đồng đều giữa các vùng miền, sự phối hợp lỏng lẻo giữa các cơ quan thực hiện, cũng như các hạn chế về mặt không gian của các khu vực thí điểm.⁵¹

Các rào cản kỹ thuật và sự thiếu hụt các dữ liệu tác động

Một số trở ngại kỹ thuật đối với quá trình chuyển dịch sang KTTH cũng đã được xác định, như các thiết kế sửa chữa hay tái chế, và phân loại chất thải chưa phù hợp, cũng như thiếu kinh nghiệm và hiểu biết về tính sẵn có và sử dụng các công nghệ mới. Ý đầu tiên thường liên hệ tới sự sẵn có của các sản phẩm tái xuất chất lượng cao, còn ý thứ hai thường liên quan tới các dự án mô phỏng công nghệ có quy mô lớn và sự thiếu hụt các dữ liệu về tác động của chúng. Do đó, tính sẵn sàng về công nghệ thường được coi là một yếu tố thúc đẩy KTTH;⁵² và ngược lại, thiếu công nghệ triển khai KTTH lại là rào cản chính đối với việc nhân rộng các thực hành này.⁵³

4.2. Các rào cản và động lực bên trong

Nhu cầu phát triển hài hòa giữa các khía cạnh môi trường – kinh tế – xã hội

Tại Việt Nam, nhu cầu hài hòa mối liên kết giữa các khía cạnh môi trường – kinh tế - xã hội đã thúc đẩy sự chuyển dịch sang các mô hình sử dụng ít tài nguyên hơn. Ở Trung Quốc, quá trình tái cấu trúc các ngành công nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường và sử dụng tài nguyên hợp lý cũng được coi là động lực nội tại thúc đẩy quá trình chuyển dịch sang KTTH.⁵⁴ Giải quyết những hạn chế về môi trường trong quá trình phát triển kinh tế cũng là chủ đề được giới truyền thông quan tâm, và một số chương trình/chính sách cũng ra đời từ đó để giải quyết chúng, như luật bảo vệ môi trường hay các

chương trình quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững. Những chương trình và chính sách này đã tạo ra khung quy định và khuyến khích triển khai KTTH ở nước này.

Sự thay đổi trong lối sống đô thị - hướng đến sản xuất và tiêu dùng bền vững

Quá trình đô thị hóa, tăng trưởng dân số, và sự cải thiện các tiêu chuẩn sống tại các thành thị đã tạo ra động lực thị trường cho tiêu dùng nói chung và tiêu dùng các sản phẩm thân thiện với môi trường nói riêng. Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của các sáng kiến đổi mới (như các cách thu thập và tái sử dụng rác thải nhựa), các công nghệ, và các mô hình kinh doanh, những động lực nói trên đã tạo ra các phương pháp sử dụng tài nguyên và quản lý rác thải mới. Giảm sử dụng nhựa, tái chế các vật phẩm, và áp giá rác thải hay các phụ phẩm là những mô hình điển hình giúp thúc đẩy các nguyên tắc KTTH nhiều hơn nữa. Các mô hình kinh doanh như các nền tảng chia sẻ (như Airbnb – chia sẻ phòng nghỉ, hay chợ thương mại điện tử Chotot) cũng thúc đẩy quá trình chuyển dịch này.

Vai trò của cấp tỉnh trong đưa ra các quyết định phát triển

Đối với nhiều nhà quan sát bên ngoài, quá trình đưa ra các quyết định kinh tế tại Việt Nam được phân cấp một cách đáng ngạc nhiên – trong bối cảnh là hệ thống kinh tế tại Việt Nam đi lên từ nền tảng “nền kinh tế kế hoạch”. Chính quyền cấp trung ương đưa ra hướng dẫn và chỉ đạo chung thông qua các chính sách và quy định, nhưng phần lớn các quyết định kinh tế - xã hội lại được cấp tỉnh đưa ra. Các phương án phát triển cho tương lai như đầu tư, cải thiện, phát triển xã hội, v.v.. được lập kế hoạch và quy định cụ thể trong các QHT. Do đó, các tỉnh thường a) bị chính quyền trung ương thúc giục thực hiện hành động đối với các khuôn khổ hoạt động như KTTH, nhưng lại b) được tự do triển khai trong phạm vi hiểu biết, năng lực và quyết định của chính cấp tỉnh. Do vậy, có thể thấy ngay kết

⁵¹ Luo và Leipold (2022).

⁵² Grafstroem và Aasma (2021).

⁵³ Kirchherr cùng cộng sự. (2017).

⁵⁴ Luo và Leipold (2022).

quả đạt được - một cách tự nhiên - cũng sẽ rất khác nhau. Khi nói đến thành công của KTTT, một số tỉnh sẽ nắm bắt, theo đuổi và triển khai

được với những tiến bộ ấn tượng, nhưng một số tỉnh có thể sẽ đứng yên - không có bất kỳ tiến bộ nào.





5. TRIỂN KHAI - THỰC HIỆN

Mặc dù KTTH đã được xây dựng và áp dụng trong nhiều ngành/lĩnh vực ở nhiều quốc gia, việc ứng dụng KTTH ở cấp vi mô (ở đây là cấp tỉnh) vẫn còn nhiều hạn chế.⁵⁵ Việc triển khai thực hiện KTTH ở quy mô này cần có sự phối hợp giữa các giải pháp quy định từ trên xuống

(như các sáng kiến chính sách/thể chế như quy định môi trường hay động cơ kinh tế) và các giải pháp đề xuất từ dưới lên (như một mô hình kinh doanh KTTH thành công). Ngay cả khi đó, những sáng kiến này cũng cần được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng tỉnh.

⁵⁵ Arsova cùng cộng sự. (2021).

5.1. Ở cấp quốc gia

Trong trường hợp của Trung Quốc, hàng loạt chính sách hỗ trợ KTTH đã được triển khai ở các cấp khác nhau: từ cấp cơ sở doanh nghiệp tới cấp khu công nghiệp hay cấp vùng, và các chính sách đã tính đến đầy đủ các khía cạnh phát triển luật cơ bản, tài chính, thuế, công nghệ hay tiêu chuẩn, v.v... Khái niệm này cũng đã được đưa vào kế hoạch hành động 5 năm của Trung Quốc.⁵⁶ Việc thông qua và áp dụng các nguyên tắc KTTH được đưa ra lần đầu tiên trong các quy định pháp luật và chính sách về môi trường, trước khi được các cơ quan quy hoạch trung ương chấp thuận.⁵⁷ Việt Nam cũng có thể đi theo hướng tương tự, do các nguyên tắc của KTTH (như 3R, sinh thái công nghiệp/cộng sinh công nghiệp) cũng đã xuất hiện trong các luật và chính sách môi trường trước khi được áp dụng trong quy hoạch chính trị và kinh tế-xã hội. Vai trò của chính quyền cấp địa phương và cấp vùng, do vậy, có ý nghĩa sống còn đối với việc giới thiệu và chuyển dịch sang KTTH.⁵⁸

Quý Ellen McArthur đã đưa ra đề xuất các bước triển khai KTTH,⁵⁹ theo đó từng bước cần (i) xác định điểm bắt đầu, mục tiêu tổng thể và phạm vi tập trung; (ii) đánh giá các cơ hội ngành nghề; và (iii) phân tích khả năng triển khai trên diện rộng toàn nền kinh tế. Ở bước đầu tiên, các nhà quản lý/lãnh đạo đánh giá mức tuân hoàn cơ sở và bối cảnh chính sách, xác định mức độ tham vọng và lựa chọn các lĩnh vực trọng tâm cho triển khai KTTH. Sau đó, họ sẽ lập bản đồ các cơ hội KTTH, ưu tiên và chi tiết hóa các cơ hội này, định lượng tác động của ngành, xác định các rào cản, cũng như lập bản đồ các phương án chính xác theo từng ngành cụ thể. Ở bước cuối cùng, những người ra quyết định sẽ định lượng tác động tới toàn bộ nền kinh tế, lập bản đồ các phương án chính sách trên diện rộng cho toàn nền kinh tế, và đưa ra ưu tiên cũng như sắp xếp thứ tự ưu tiên các lựa chọn chính sách.

Theo như hướng dẫn và các gợi ý hướng đi đưa ra trên đây, quá trình lồng ghép KTTH vào các đề án tổng thể của Việt Nam có thể được thực hiện như sau:

(1). Xây dựng dữ liệu cơ sở về tình trạng KTTH hiện tại

(2). Xác định những động lực và rào cản chính đối với áp dụng KTTH

(3). Đặt ra mục tiêu và các chỉ số đo lường mục tiêu KTTH

(4). Đưa ra ưu tiên các ngành nghề sẽ can thiệp KTTH và lộ trình triển khai

(5). Phối hợp với các bên hữu quan

(6). Thực hiện, giám sát và đánh giá

Quá trình hoạch định kinh tế-xã hội cần đưa ra những mục tiêu, nhiệm vụ và khung thời gian cụ thể, đồng thời phải đảm bảo phân bổ công việc giữa các cơ quan/tổ chức có trách nhiệm thực hiện, phối hợp và đánh giá công việc. Do đó, các nguyên tắc KTTH cũng cần được đưa vào các mục tiêu, nhiệm vụ triển khai và khung thời gian này, với các cơ quan liên quan đã được giao nhiệm vụ. Trong trường hợp KTTH không phải là nội dung mục tiêu chính và không được đưa ra trực tiếp trong các mục tiêu của quá trình hoạch định, các hoạt động có liên quan tới KTTH sẽ vẫn có thể được đưa vào trong quá trình thực hiện với khung thời gian cụ thể cho các bên liên quan có trách nhiệm hỗ trợ các mục tiêu chính của đề án.

Hiện nay, Liên minh Châu Âu (EU), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) và các nước như Trung Quốc đã xây dựng hệ thống chỉ số giúp đặt mục tiêu và giám sát quá trình chuyển dịch. Những chỉ số này có thể được lồng ghép vào các mục tiêu cụ thể để các đề án tổng thể có được các mốc rõ ràng hơn – điều này cũng giúp nhân rộng hiểu biết chung về các nguyên tắc của KTTH, và những mục tiêu cần đạt được, đồng thời cung cấp thông tin cho quá trình lập kế hoạch nhiệm vụ và xác định các cơ quan liên quan trong khi thực hiện, giám sát và đánh giá các kế hoạch kinh tế-xã hội liên quan tới KTTH.

⁵⁶ Wu cùng cộng sự. (2014).

⁵⁷ Mathews cùng cộng sự. (2010).

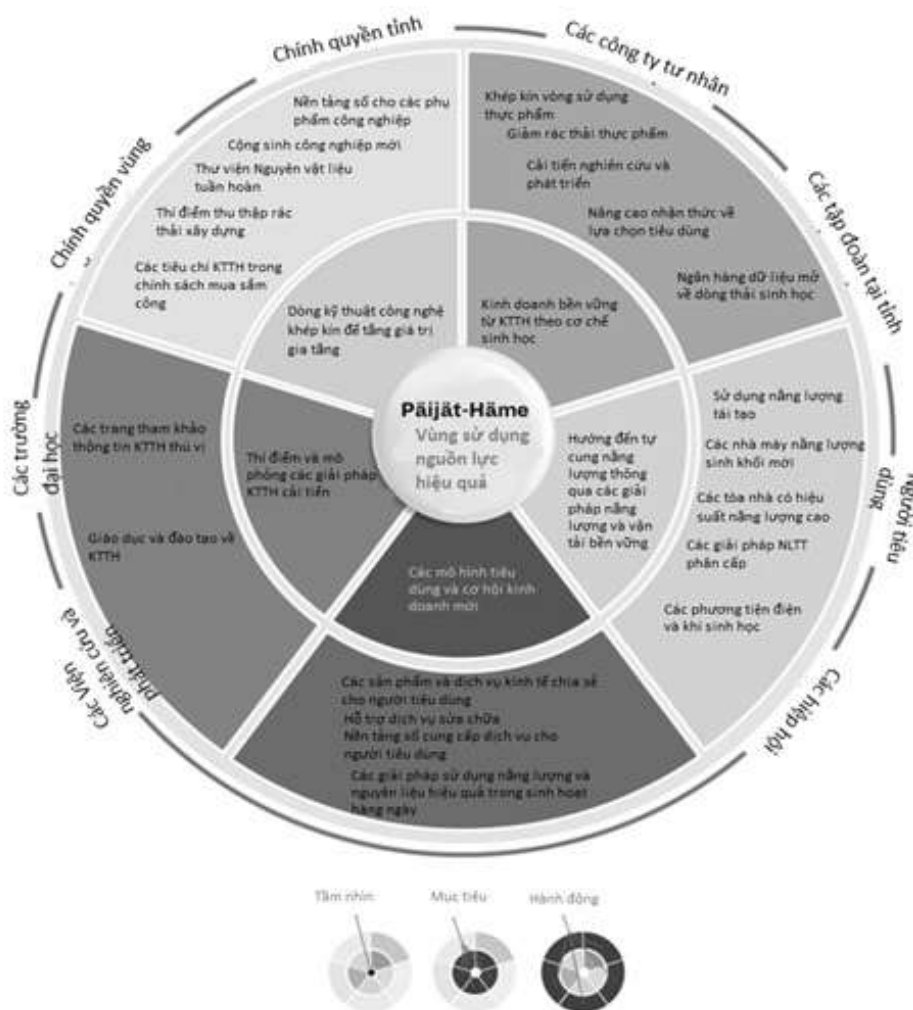
⁵⁸ Arsova cùng cộng sự. (2022).

⁵⁹ 2022.

5.2. Ở cấp tỉnh

Tại Việt Nam, Quyết định 687/QĐ-TTg ban hành năm 2022 đã đưa ra khung khổ pháp lý làm nền tảng cho việc xây dựng và triển khai các nguyên tắc KTTH ở các cấp. KTTH đã được lồng ghép vào các quy định pháp luật, như Luật Bảo vệ môi trường 2020, Luật Các tổ chức kinh tế hợp tác, v.v... Khái niệm nền kinh tế tuần hoàn và các nguyên tắc của KTTH được tích hợp lần đầu tiên vào Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.⁶⁰ Hiện nay, Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện KTTH cũng đang được xây dựng. Ở cấp tỉnh, như ở An Giang, Quảng Ngãi, Bình Dương, các tỉnh này đã ban hành kế hoạch thực hiện Quyết định 687/QĐ-TTg ngay sau khi kế hoạch quốc gia ra đời.

Ở cấp tỉnh, huy động nguồn lực từ các chủ thể chính cũng là một nhiệm vụ quan trọng để đảm bảo triển khai được nền KTTH. Hình 1 dưới đây mô tả cách thức tiếp cận KTTH tại vùng Päijät-Häme, Phần Lan. Các bên liên quan cần có một tầm chung chung và có mục tiêu cũng như hành động cụ thể, rõ ràng. Ví dụ, vai trò của chính quyền (cấp địa phương và khu vực) là xây dựng nền tảng, hạ tầng và cơ sở dữ liệu phục vụ cho các quyết định đầu tư KTTH; các doanh nghiệp và hợp tác xã công sẽ xây dựng và triển khai các giải pháp KTTH (ở đây là xử lý rác thải thực phẩm, năng lượng, sản xuất sinh thái cho người tiêu dùng); các viện nghiên cứu/trường đại học sẽ tổ chức đào tạo – tập huấn và hỗ trợ các sáng kiến thí điểm về KTTH.



Hình 1: Tầm nhìn, mục tiêu và hành động hướng tới KTTH tại vùng Päijät-Häme, Phần Lan⁶¹

⁶⁰ Tho cùng cộng sự. (2022).

⁶¹ Vanhamaki cùng cộng sự. (2020).

QHT bao gồm 7 lĩnh vực kế hoạch chính: 1) các ngành kinh tế mũi nhọn (công nghiệp/xây dựng; nông nghiệp/lâm nghiệp/thủy sản; dịch vụ); 2) phát triển nông thôn và đô thị, và phân vùng chức năng; 3) hạ tầng kỹ thuật (điện, đường, nước, trạm thông tin liên lạc-viễn thông); 4) hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao); 5) phân bổ đất đai cho các vùng và quận/huyện chức năng; 6) đề án xây dựng tổng thể (liên) quần và các hành lang kinh tế; và 7) bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học, giảm thiểu nguy cơ thiên tai-thảm họa và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Sự liên kết giữa những kế hoạch trên có ý nghĩa cốt yếu đối với việc đạt được những kỳ vọng về kinh tế, xã hội và môi trường của các QHT. Tuy nhiên, việc đồng bộ các kế hoạch này với nhau chưa bao giờ dễ dàng. Và các giải pháp KTTH có thể giúp hợp nhất những kế hoạch đó: các giải pháp này không chỉ tạo ra liên kết giữa các ngành kinh tế (như giữa nông nghiệp – công nghiệp – du lịch), mà còn có thể tập hợp các giá trị văn hóa và môi trường, cũng như nhân lực lao động, công nghệ, phân bổ đất đai và hạ tầng.

Các giải pháp KTTH trong QHT cần nhấn mạnh cụ thể vào tầm quan trọng của các hợp tác

xuyên ranh giới địa lý. Đầu tiên, các QHT phải đồng bộ với các kế hoạch phát triển vùng (quy hoạch vùng). Thứ hai, các dự án liên quan đến KTTH có thể được xây dựng giữa các tỉnh với nhau tùy theo thế mạnh và điểm yếu của từng địa phương. Ví dụ, Tây Ninh có thế mạnh về nguồn nước – do đó có thể phát triển nông nghiệp, còn Bình Dương và TP. HCM có các dịch vụ công nghiệp, tài chính và vận tải phát triển. Ba tỉnh này có thể cùng xây dựng một khu vực KTTH nông-công nghiệp nếu có sự hợp tác với nhau.

Các giải pháp KTTH cũng đòi hỏi sự phối hợp giữa các ngành khác nhau. Ở cấp tỉnh, sự phối hợp giữa các cơ quan cấp tỉnh là điều kiện tiên quyết để xây dựng được những dự án KTTH có ý nghĩa và các kế hoạch đưa vào QHT. Lãnh đạo các tỉnh cũng cần giám sát và điều phối chặt chẽ (có thể thông qua Chủ tịch/Phó Chủ tịch UBND tỉnh). Như Dự án “Nghiên cứu và ứng dụng mô hình KTTH phục vụ phát triển kinh tế-xã hội bền vững tại Huyện đảo Côn Đảo” đang được thực hiện (do chính quyền tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tài trợ), kế hoạch hành động KTTH tại Huyện đảo Côn Đảo sẽ do Phó Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chỉ đạo, nhưng do UBND huyện Côn Đảo thực hiện với sự hỗ trợ của Sở Khoa học – Công nghệ và các cơ quan khác.



6. KẾT LUẬN

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi sang các mô hình kinh tế tăng trưởng xanh mới. Chính quyền các cấp trung ương và địa phương hiện đang xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2030, với tầm nhìn đến năm 2050. Tuy nhiên, việc tích hợp tất cả các ngành nghề một cách tổng thể theo tinh thần của Luật Quy hoạch mới là vô cùng thách thức. KTTH đã được giới thiệu là một cách tiếp cận hứa hẹn sẽ hỗ trợ các tỉnh/thành tăng trưởng bền vững và dài hạn hơn. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã tóm tắt một số cơ hội tích hợp KTTH vào các QHT để các bên quan tâm có thể cân nhắc. Những cơ hội này rất đa dạng, từ việc ứng dụng trong những khu vực ngành nghề truyền thống như nông nghiệp và giao thông vận tải, cho tới những ngành nghề chuyển động nhanh hơn như năng lượng, du lịch và công nghệ số.

Để thực hiện được các giải pháp KTTH, vẫn còn những yếu tố thúc đẩy và rào cản cần được xem

xét kỹ càng. Ví dụ, đổi mới thể chế để hỗ trợ hợp tác liên ngành giúp xây dựng tính sẵn sàng của thị trường/ngành công nghiệp, công nghệ, và khoa học liên ngành nên là trọng tâm chính trong quá trình thiết kế các chính sách hỗ trợ KTTH trong thời gian tới. Thêm vào đó, nhóm tác giả cũng đã đề xuất một số cơ hội tích hợp các giải pháp KTTH vào các QHT ở cấp trung ương và cấp địa phương.

Do lĩnh vực nội dung này hiện vẫn còn khá mới mẻ đối với các tỉnh thành, việc xây dựng năng lực (ví dụ, thông qua các hoạt động tập huấn-đào tạo) cần được thực hiện sớm nhất có thể, để việc tích hợp KTTH trong các QHT nhanh chóng đạt hiệu quả. Khi thế giới vẫn đang tìm kiếm các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, Việt Nam cần hành động một cách kiên quyết để cân bằng được giữa lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường.

⁶² *Tới nay, mới chỉ có đề án của Đồng bằng Sông Cửu Long được phê duyệt. Các đề án vùng khác hiện vẫn đang được xây dựng.*



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Arsova, Sanja et al. "Implementing circular economy in a regional context: A systematic literature review and a research agenda." *Journal of Cleaner Production*, Volume 368. 25 September 2022. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.133117>
- Anade, Jesus and Sandro Mendonça, 2018. "Lost in Transition? Drivers and Barriers in the Eco-innovation Road to the Circular Economy." *Ecological Economics*. Volume 145, March 2018, <https://doi.org/10.1016/j.ecolecon.2017.08.001>
- Arsova, S., Genovese, A. and Ketikidis, P.H., 2022. "Implementing circular economy in a regional context: A systematic literature review and a research agenda." *Journal of Cleaner Production*, 368, p. 133117. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.133117>.
- Benedikter, Simon and T.P. Nguyen Loan. "Obsessive Planning in Transitional Vietnam: Understanding Rampant State Planning and Prospects of Reform." *Journal of Vietnamese Studies*, Volume 13, Issue 4. 2018. <https://doi.org/10.1525/vs.2018.13.4.1>
- Bocken, N., Short, S.W., Rana, P., Evans, S., 2014. A literature and practice review to develop sustainable business model archetypes. *J. Clean. Prod.* 65, 42e56. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2013.11.039>.
- Calzolari, Tommaso et al. "Circular Economy indicators for supply chains: A systematic literature review." *Environmental and Sustainability Indicators*, Volume 13. 2022. <https://doi.org/10.1016/j.indic.2021.100160>
- CenTOUR. 2020. Managing the transition to circular economy for tourism providers.
- De Angelis, Roberta et al. "Supply chain management and the circular economy: towards the circular supply chain." *Production Planning & Control*, 29:6. 2018, pp. 425-437. <https://doi.org/10.1080/09537287.2018.1449244>
- Du lịch cộng đồng & sinh kế bền vững. (n/d). <https://special.nhandan.vn/dulichcongdong/index.html>.
- Ellen MacArthur Foundation. "Cities and the Circular Economy." (n/d) [cited April 10, 2021] <https://www.ellenmacarthurfoundation.org/explore/cities-and-the-circular-economy>.
- Ellen MacArthur Foundation. "Cities in the circular economy: An initial exploration." 2017.
- Ellen MacArthur Foundation. "Delivering the circular economy: a toolkit for policymakers." 2022.
- Frei, R., Jack, L. and Krzyzaniak, S. "Sustainable reverse supply chains and circular economy in

- multichannel retail returns." *Business Strategy and the Environment*, Vol. 29 No. 5. 2020, pp. 1925-1940. <https://doi.org/10.1002/bse.2479>
- Grafström, Jonas and Siri Aasma. "Breaking circular economy barriers." *Journal of Cleaner Production*. Volume 292. 10 April 2021, 126002. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2021.126002>
- Greer, Rachel et al. "The diffusion of circular services: Transforming the Dutch Catering Sector." *Journal of Cleaner Production*, Volume 267. 10 September 2020. The diffusion of circular services: Transforming the Dutch Catering Sector
- Gyimóthy, S., Morales Pérez, S., Meged, J. W., & Wilson, J. (2020). Editorial: Contested spaces in the sharing economy. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 20(3), 205–211. <https://doi.org/10.1080/15022250.2020.1789502>.
- Hall, C. M., & Saarinen, J. (2020). 20 years of Nordic climate change crisis and tourism research: A review and future research agenda. *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*. <https://doi.org/10.1080/15022250.2020.1823248>.
- Jurgilevich, Alexandra et al. "Transition towards Circular Economy in the Food System." *Sustainability* 2016, 8(1). 2016, p. ., 43; <https://doi.org/10.3390/su8010043>.
- Kennedy, C. et al. "The changing metabolism of cities." *Journal of Industrial Ecology*. 2007. 11(2): pp. 43-59. <https://doi.org/10.1162/jie.2007.1107>
- Kirchherr, Julian et al. "Conceptualizing the circular economy: An analysis of 114 definitions." *Resources, Conservation and Recycling*. Volume 127. December 2017, pp. 221-232. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2017.09.005>
- Kokkinos, Dimitrios and Anaxagoras Fotopoulos. "Urban Sustainability = Smart City + Circular Economy." Accessed 2022. <https://dvkconsultants.ae/urban-sustainability-smart-city-circular-economy/>.
- Kumar, Pravin et al. "Managing supply chains for sustainable operations in the era of industry 4.0 and circular economy: Analysis of barriers." *Resources, Conservation and Recycling*, Volume 164. 2021. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2020.105215>.
- Le Quang Dung, Tran Thien Khanh, Nguyen Duc Tuyen, Nguyen Huu Luong, Nguyen Minh Tu, Le Ba Nhat Minh, Nguyen Hong Quan, Do Thi Hiep, Hoang Anh Tuan. Circular economy and renewable energy: a global policy overview. In book "Renewable Energy in Circular Economy". Springer Nature 2023
- Lieder, M. et al. "Towards circular economy implementation: An agent-based simulation approach for business model changes." *Autonomous Agents and Multi-Agent Systems*, 31(6), 2017. pp. 1377–1402. <https://doi.org/10.1007/s10458-017-9365-9>
- Luo, Anran and Sina Leipold, 2022. "Chinese lessons on upscaling environmental policy concepts? A review of policy-oriented circular economy research." *Journal of Cleaner Production*., Volume 333,333, 20 January 2022. <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2021.130047>

- Manniche, J., Larsen, K. and Broegaard, R. "The circular economy in tourism: transition perspectives for business and research." *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 21(3). 2021. pp. 247-264. <https://doi.org/10.1080/15022250.2021.1921020>
- Massard, G., Jacquat, O., Zürcher, D. *International Survey on Eco-Innovation Parks: Learning from Experiences on the Spatial Dimension of Eco-Innovation*. 2014.
- Mathews, John A. et al. "China's move to a Circular Economy as a development strategy." *Asian Business & Management* Vol. 10. 2010, pp. 4, 463--484. <https://doi.org/10.1057/abm.2011.18>
- McDonough, W., Braungart, M. *Cradle to Cradle: Remaking the Way We Make Things*. North point press. 2022.
- NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ. (2018). <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Nghi-dinh-82-2018-ND-CP-quy-dinh-ve-quan-ly-khu-cong-nghiep-va-khu-kinh-te-332027.aspx>.
- Nguyen, Tho Dinh et al. "A Road Map to a Circular Economy in Viet Nam." *Prospects for transitioning from a linear to circular economy in developing ASIA*, edited by Linda Arthur, Derek Hondo, Maria Hughes, and Reetta Kohonen for the Asian Development Bank Institute. 2022.
- Pearce, D.W. and R.K. Turner. *Economics of Natural Resources and the Environment*. Hemel Hempstead: Harvester Wheatsheaf. 1990.
- Quyết định 147/QĐ-TTg chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. (2020, 3. Februar). *LuatVietnam*. <https://luatvietnam.vn/van-hoa/quyet-dinh-147-qd-ttg-chien-luoc-phat-trien-du-lich-viet-nam-den-nam-2030-180149-d1.html>.
- Schwab, K. "The Fourth Industrial Revolution: What It Means and how to respond." *World Economic Forum*. 2016. <https://www.weforum.org/agenda/2016/01/the-fourth-industrial-revolution-what-it-means-and-how-to-respond/>.
- SINTEF. "Urban mining." n.d. [cited June 1st, 2021] <https://www.sintef.no/en/expertise/sintef-industry/process-industry/urban-mining/>.
- Thang, Nguyen Hong. "Financial policies for the circular economy in Vietnam." *Companies and Business Magazine*. 2021.
- Tho, Dinh Nguyen, Manh Van Lai, Huyen Anh Pham, and Hanh Trong Nguyen. "A Road Map to a Circular Economy in Viet Nam." *Prospects for transitioning from a linear to circular economy in developing ASIA*, edited by Linda Arthur, Derek Hondo, Maria Hughes, and Reetta Kohonen. Asian Development Bank Institute. 2022.
- Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường các khu công nghiệp. (2021). <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/824299/thuc-trang-va-giai-phap-bao-ve-moi-truong-cac-khu-cong-nghiep.aspx>

- Thực trạng và giải pháp xử lý rác thải công nghiệp ở Việt Nam. (2021). <https://www.moitruongvadothi.vn/thuc-trang-va-giai-phap-xu-ly-rac-thai-cong-nghiep-o-viet-nam-a79770.html>
- Thực trạng và tồn tại trong quá trình quy hoạch, đầu tư khu công nghiệp và quá trình phát triển đô thị gắn với nhà ở công nhân (2022). <https://moc.gov.vn/vn/tin-tuc/1145/71101/thuc-trang-va-ton-tai-trong-qua-trinh-quy-hoach-dau-tu-khu-cong-nghiep-va-qua-trinh-phat-trien-do-thi-gan-voi-nha-o-cong-nhan.aspx>
- Tommaso Calzolari, Andrea Genovese, Andrew Brint. "Circular Economy indicators for supply chains: A systematic literature review." *Environmental and Sustainability Indicators*, Volume 13, 2022. <https://doi.org/10.1016/j.indic.2021.100160>.
- Tonelli, M. & Cristoni, N., 2020. *Strategic Management and the Circular Economy*, Economy, London: Routledge, Taylor & Francis Group. 2020.
- UNEC Enece, 2022. <https://unece.org/forests/circularity#:~:text=Circularity%20and%20the%20forest%20sector,goals%20of%20sustainable%20forest%20management.> .
- UNIDO Circular Economy | UNIDO. (n/d). <https://www.unido.org/unido-circular-economy>.
- United Nations, D.o.E.a.S.A., Population Division. *World Urbanization Prospects: The 2018 Revision (ST/ESA/SER.A/420)*. New York. 2019.
- Vanhamaki, S., Virtanen, M., Luste, S., Manskinen, K., et al. K., et al. "Transition towards a circular economy at a regional level: a case study on closing biological loops." *Resources, Conservation and Recycling*, 156. January 2020. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2020.104716>
- Vasileios, Rizos et al. "Barriers and enablers for implementing circular economy business models: Evidence from the electrical and electronic equipment and agri-food value chains." *CEPS Research Report*. 2021.
- Vinh Hoan. (n/d). <https://www.vinhhoan.com>.
- World Business Council for Sustainable Development. "Forest Sector SDG Roadmap Implementation Report." 2020.VNF. (n/d). <https://www.vnfoods.vn/vi>.
- World Business Council for Sustainable Development (WBCSD). 2020. "Forest Sector SDG Roadmap Implementation Report."
- Wu, Hua-qing et al. "Effectiveness of the policy of circular economy in China: A DEA-based analysis for the period of 11th five-year-plan." *Resources, Conservation and Recycling*. Volume 83. February 2014, pp. 163-175. <https://doi.org/10.1016/j.resconrec.2013.10.003>

